



xǐ dí jì
洗涤剂

noun · cleaning agent

Example Sentence

nǐ zhī dào zhè zhǒng xīn xíng xǐ dí jì shì fǒu shì yòng yú suǒ yǒu cái zhì de yī wù ma
你知道这种新型洗涤剂是否适用于所有材质的衣物吗？

Do you know if this new detergent is suitable for clothes of all materials?

Trace each character, then write the word on your own.

洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗
洗										
涤	涤	涤	涤	涤	涤	涤	涤	涤	涤	涤
涤	涤									
剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂	剂